



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ**



an independent member of
**BAKER TILLY
INTERNATIONAL**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo kiểm toán	6
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	14 - 32
8. Phụ lục	33 - 36

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần viễn thông tin học điện tử trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần viễn thông tin học điện tử (công ty mẹ) và Công ty cổ phần dịch vụ trợ giúp thương mại Khang An (công ty con) (gọi chung là Tập đoàn).

Khái quát về Tập đoàn

Công ty mẹ

Công ty cổ phần viễn thông tin học điện tử là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Xí nghiệp khoa học sản xuất thiết bị thông tin II theo Quyết định số 470/QĐ-TCBĐ ngày 07 tháng 6 năm 2002 của Tổng cục trưởng Tổng cục Bưu điện (nay là Tập đoàn bưu chính viễn thông Việt Nam). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302826473 (số cũ 4103001330) ngày 02 tháng 12 năm 2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi kinh doanh từ lần 02 đến lần 06 về việc bổ sung ngành, nghề kinh doanh và tăng vốn điều lệ.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 30.000.000.000 VND

Trong đó:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty bưu chính viễn thông Việt Nam	10.150.000.000	33,88
Công ty cổ phần bảo hiểm bưu điện	2.900.000.000	9,67
Các cổ đông khác	16.950.000.000	56,55
Cộng	30.000.000.000	100,00

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết ở Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội từ ngày 29 tháng 12 năm 2010 với mã chứng khoán là KST.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84-8) 38 655 343

Fax : (84-8) 38 652 487

Mã số thuế : 0302826473

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh công ty cổ phần viễn thông tin học điện tử tại Hà Nội	104 phố Hoàng Văn Thái, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội
Chi nhánh công ty cổ phần viễn thông tin học điện tử tại Đà Nẵng	23 Duy Tân, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng
Văn phòng đại diện công ty cổ phần viễn thông tin học điện tử	8 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sửa chữa máy tính và thiết bị ngoại vi: lắp đặt, bảo trì, sửa chữa hệ thống viễn thông, mạng máy tính (trừ tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở), xây lắp, bảo trì, bảo dưỡng, hỗ trợ vận hành các thiết bị viễn thông, tin học và điện tử;
- Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu: dịch vụ thông tin qua điện thoại;



CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Hoạt động viễn thông khác: đại lý cung cấp dịch vụ bưu chính, viễn thông; cung cấp thông tin lên mạng internet; dịch vụ cung cấp giá trị gia tăng trên mạng viễn thông – mạng internet; đại lý truy cập, xử lý, trao đổi dữ liệu và thông tin lên mạng internet (không kinh doanh cung cấp dịch vụ internet, trò chơi điện tử tại trụ sở); dịch vụ viễn thông, tin học công cộng trong nước và quốc tế; cung cấp dịch vụ truy cập internet (ISP), cung cấp dịch vụ ứng dụng internet trong viễn thông (OSP);
- Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi;
- Xây dựng nhà các loại: sửa chữa nhà;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và các xe có động cơ khác;
- Quảng cáo;
- Sản xuất linh kiện điện tử;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Sản xuất thiết bị truyền thông;
- Xây dựng thiết bị kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng ;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu;
- Bán mô tô, xe máy;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.

Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Giấy phép thành lập	Tỷ lệ sở hữu
Công ty cổ phần dịch vụ trợ giúp thương mại Khang An	270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008572 ngày 27 tháng 11 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.	52,17%

47
IG
EMI
DÁI
VÂ
L
C

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Tập đoàn

Lợi nhuận năm nay của Tập đoàn giảm đi đáng kể so với năm trước chủ yếu là do số lượng công trình thực hiện giảm.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 32).

Trong năm, Công ty cổ phần viễn thông tin học điện tử đã phân phối lợi nhuận năm 2010 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 ngày 10 tháng 5 năm 2011 như sau:

	Số tiền (VND)
- Trích quỹ dự phòng tài chính	391.147.687
- Trích quỹ đầu tư phát triển	1.307.406.046
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.450.000.000
- Thủ lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	480.000.000
- Chia cổ tức (14%)	4.194.400.000

Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần viễn thông tin học điện tử khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty cổ phần viễn thông tin học điện tử trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Lương Ngọc Hương	Chủ tịch	28 tháng 7 năm 2006	-
Ông Phan Văn Nghĩa	Phó Chủ tịch	28 tháng 7 năm 2006	10 tháng 5 năm 2011
Ông Đỗ Quang Khánh	Phó Chủ tịch	10 tháng 5 năm 2011	-
Ông Lê Minh Trí	Ủy viên	28 tháng 7 năm 2006	-
Ông Võ Hồng Lạc	Ủy viên	28 tháng 7 năm 2006	10 tháng 5 năm 2011
Ông Phạm Anh Tuấn	Ủy viên	07 tháng 5 năm 2008	10 tháng 5 năm 2011
Ông Lê Phước Hiền	Ủy viên	10 tháng 5 năm 2011	-
Bà Nguyễn Thị Hồng Mai	Ủy viên	10 tháng 5 năm 2011	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Hoàng Thị Thanh Trúc	Trưởng ban	28 tháng 7 năm 2006	10 tháng 5 năm 2011
Bà Nguyễn Thị Thu Nga	Trưởng ban	10 tháng 5 năm 2011	-
Ông Trần Minh Dũng	Thành viên	28 tháng 7 năm 2006	10 tháng 5 năm 2011
Bà Nguyễn Thị Kim Hoa	Thành viên	28 tháng 7 năm 2006	10 tháng 5 năm 2011
Bà Trần Thị Ngọc Duyên	Thành viên	10 tháng 5 năm 2011	-
Ông Hứa Văn Cường	Thành viên	10 tháng 5 năm 2011	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Lương Ngọc Hương	Tổng Giám đốc	28 tháng 7 năm 2006	-
Ông Phan Văn Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc	28 tháng 7 năm 2006	-
Ông Lê Minh Trí	Phó Tổng Giám đốc	28 tháng 7 năm 2006	-
Ông Vũ Trọng Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	26 tháng 8 năm 2008	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần viễn thông tin học điện tử chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty cổ phần viễn thông tin học điện tử đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần viễn thông tin học điện tử cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần viễn thông tin học điện tử phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Lương Ngọc Hương
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 4 năm 2012



Số: 0424/2012/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2011
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ

Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011 của Công ty cổ phần viễn thông tin học điện tử bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần viễn thông tin học điện tử (công ty mẹ) và Công ty cổ phần dịch vụ trợ giúp thương mại Khang An (công ty con) (gọi chung là Tập đoàn) gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 25 tháng 3 năm 2012, từ trang 07 đến trang 32 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần viễn thông tin học điện tử. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cẩn thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần viễn thông tin học điện tử cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

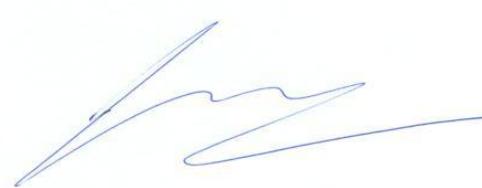
Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0099/KTV



Phan Vũ Công Bá - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0197/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 4 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ

Địa chỉ: 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		85.569.559.690	88.202.356.942
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	12.714.539.455	3.775.810.026
1. Tiền	111		8.714.539.455	3.375.810.026
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.000.000.000	400.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		100.000.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	100.000.000	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130		55.745.074.382	60.890.517.339
1. Phải thu của khách hàng	131	V.3	53.823.193.762	56.542.117.151
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	239.963.544	1.393.625.850
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	V.5	1.681.917.076	2.954.774.338
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		12.668.351.663	17.356.782.329
1. Hàng tồn kho	141	V.6	12.668.351.663	18.198.882.962
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	-	(842.100.633)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.341.594.190	6.179.247.248
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	235.150.114	104.758.400
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	425.705.994
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	4.106.444.076	5.648.782.854

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ

Địa chỉ: 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		12.717.398.727	11.591.516.406
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		8.492.670.434	6.417.498.866
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	7.877.600.573	6.391.633.093
<i>Nguyên giá</i>	222		49.856.608.480	43.619.080.661
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(41.979.007.907)	(37.227.447.568)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	575.069.861	25.865.773
<i>Nguyên giá</i>	228		833.470.959	36.365.959
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(258.401.098)	(10.500.186)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	40.000.000	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	4.334.727.200
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	4.334.727.200
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		4.224.728.293	839.290.340
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	4.184.728.293	620.916.581
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	208.373.759
3. Tài sản dài hạn khác	268		40.000.000	10.000.000
V. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		98.286.958.417	99.793.873.348

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ

Địa chỉ: 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ				
I. Nợ ngắn hạn	310		39.775.139.530	43.157.967.648
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.14	5.611.577.457	9.111.886.982
2. Phải trả người bán	312	V.15	6.452.407.166	3.990.225.197
3. Người mua trả tiền trước	313		46.332.047	568.555.400
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	4.668.942.195	5.720.487.570
5. Phải trả người lao động	315	V.17	4.446.220.189	2.715.471.201
6. Chi phí phải trả	316	V.18	1.208.343.553	7.754.524.314
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.19	16.413.162.503	12.945.400.888
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.20	861.708.370	278.120.096
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	320		66.446.050	73.296.000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	IV.13	66.446.050	73.296.000
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		52.648.250.820	56.635.905.700
I. Vốn chủ sở hữu	410		52.648.250.820	56.635.905.700
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.21	29.960.100.000	29.960.100.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.21	9.980.050.000	9.980.050.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.21	8.745.175.516	7.366.860.762
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.21	1.913.314.243	1.486.712.202
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.21	26.319.874	19.229.003
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.21	2.023.291.187	7.822.953.733
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C- LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIÊU SỐ	439	V.22	5.863.568.067	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		98.286.958.417	99.793.873.348

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ

Địa chỉ: 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

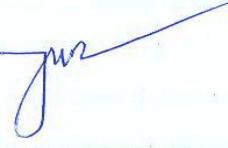
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

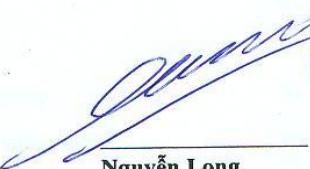
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài	-	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	-	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	-	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	-	-	-
5. Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ (USD)		1.888,36	38.255,12
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2012


Đoàn Thị Triệu Phước
Người lập biểu


Nguyễn Long
Kế toán trưởng




Lương Ngọc Hương
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ

Địa chỉ: 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	115.139.329.529	113.758.112.950
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03	VI.1	181.016.311	344.883.496
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	114.958.313.218	113.413.229.454
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	84.280.219.420	79.236.116.773
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		30.678.093.798	34.177.112.681
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	644.418.090	1.587.758.482
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.433.651.867	1.155.012.684
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.342.095.477	836.206.964
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	733.069.091	601.319.056
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	27.207.455.189	24.984.362.439
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.948.335.741	9.024.176.984
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.326.563.623	1.591.671.969
12. Chi phí khác	32		132.937.371	332.305.827
13. Lợi nhuận khác	40		1.193.626.252	1.259.366.142
14. Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết liên doanh	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.141.961.993	10.283.543.126
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	611.500.338	2.063.628.459
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		208.373.759	396.960.934
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.322.087.896	7.822.953.733
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		852.192.911	-
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		1.469.894.985	7.822.953.733
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	491	2.611

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2012



Đoàn Thị Triệu Phước
Người lập biểu



Nguyễn Long
Kế toán trưởng



Lương Ngọc Hương
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ

Địa chỉ: 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LUU CHUYEN TIEN TE HOP NHAT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế:	01		3.141.961.993	10.283.543.126
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.10, V.11	3.200.871.807	3.019.489.338
- Các khoản dự phòng	03	V.7	(842.100.633)	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3	(2.969.840)	(15.462.866)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(400.954.100)	(248.745.875)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	1.342.095.477	836.206.964
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		6.438.904.704	13.875.030.687
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		13.878.662.296	(9.953.697.913)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		6.878.069.717	(61.588.151)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(6.446.613.931)	4.847.279.801
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.295.519.765)	615.203.100
- Tiền lãi vay đã trả	13	VI.4	(1.342.095.477)	(868.768.311)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.16	(158.000.000)	(1.592.350.652)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		4.102.389.056	1.809.951.154
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(2.602.562.520)	(3.631.505.194)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		18.453.234.080	5.039.554.521
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10, V.11 V.12	(2.016.287.674)	(1.900.952.138)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5, VI.3	411.866.861	28.596.827
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.604.420.813)	(1.872.355.311)

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ

Địa chỉ: 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

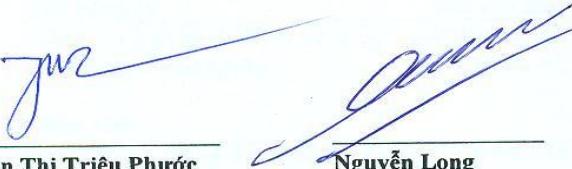
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.14	7.111.577.457	9.111.886.982
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.14	(10.611.886.982)	(10.937.611.420)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.21	(4.409.774.313)	(2.544.307.167)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(7.910.083.838)	(4.370.031.605)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		8.938.729.429	(1.202.832.395)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	3.775.810.026	4.976.904.673
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	1.737.748
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	12.714.539.455	3.775.810.026

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2012


Đoàn Thị Triệu Phước
Người lập biếu


Nguyễn Long
Kế toán trưởng



Lương Ngọc Hương
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ

Địa chỉ: 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2011

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần viễn thông tin học điện tử cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần viễn thông tin học điện tử (Công ty mẹ) và Công ty cổ phần dịch vụ trợ giúp thương mại Khang An (công ty con) (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

1. **Hình thức sở hữu vốn của công ty mẹ** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, thương mại, dịch vụ.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất và lắp ráp các loại thiết bị viễn thông, điện tử, tin học và kinh doanh phần mềm tin học; Xây lắp, bảo trì, bảo dưỡng, hỗ trợ vận hành các thiết bị viễn thông, tin học và điện tử; Chuyển giao công nghệ ngành viễn thông, tin học và điện tử; Kinh doanh vật tư, thiết bị và sản phẩm ngành viễn thông, tin học và điện tử; Dịch vụ viễn thông, tin học công cộng trong nước và quốc tế; Xác định tình trạng kỹ thuật thiết bị viễn thông, tin học và điện tử; Xây dựng các công trình viễn thông, tin học và điện tử.
4. **Tổng số các công ty con** : 01
5. **Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty cổ phần dịch vụ trợ giúp thương mại Khang An	270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh	52,17%	52,17%
6. **Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 Tập đoàn có 889 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn.
7. **Những sự kiện ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn trong năm**
Lợi nhuận năm nay của Tập đoàn giảm đi đáng kể so với năm trước chủ yếu là do số lượng công trình thực hiện giảm.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của các Công ty trong Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất**
Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ

Địa chỉ: 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Nam Việt đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn sử dụng hình thức nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán đồng tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần viễn thông tin học điện tử (công ty mẹ) và Công ty cổ phần dịch vụ trợ giúp thương mại Khang An (công ty con). Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chí phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.



CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ

Địa chỉ: 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tiền tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

6. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ

Địa chỉ: 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	03 – 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 04
Tài sản cố định khác	03 – 04

8. Tài sản thuê hoạt động

Tập đoàn là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

11. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa văn phòng, xe ô tô được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 02 năm.

Chi phí thuê văn phòng

Chi phí thuê văn phòng được phân bổ theo thời gian thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ

Địa chỉ: 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

13. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại các công ty trong Công ty. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 02% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

14. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

15. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

16. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty như sau:

Mục đích	Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty 17%
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,.... 5%
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động 1 tháng lương

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ

Địa chỉ: 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

18. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: Ngày 31/12/2010 : 18.932 VND/USD
Ngày 31/12/2011 : 20.828 VND/USD

19. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ

Địa chỉ: 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

20. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Tập đoàn phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Tập đoàn có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ

Địa chỉ: 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Tập đoàn phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Tập đoàn có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Công cụ tài chính phức hợp

Công cụ tài chính phức hợp do các Công ty trong Tập đoàn phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phái sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.



CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ

Địa chỉ: 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

22. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	453.396.389	847.255.742
Tiền gửi ngân hàng	8.261.143.066	2.528.554.284
Các khoản tương đương tiền (*)	4.000.000.000	400.000.000
Cộng	12.714.539.455	3.775.810.026

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

2. Đầu tư ngắn hạn

Cho Bà Lê Minh Nguyệt vay với lãi suất thỏa thuận.

3. Phải thu của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khách hàng của Trụ sở chính tại TP. Hồ Chí Minh	33.365.991.579	40.622.262.926
Các khách hàng của Chi nhánh tại TP. Hà Nội	10.831.326.075	14.673.710.792
Các khách hàng của Chi nhánh tại TP. Đà Nẵng	1.035.409.675	1.246.143.433
Các khách hàng của Công ty cổ phần dịch vụ trợ giúp thương mại Khang An	8.590.466.433	-
Cộng	53.823.193.762	56.542.117.151

TĐ
CÁCH
KIẾ

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ

Địa chỉ: 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Trả trước người bán

Trả trước cho nhà cung cấp về hàng hoá, dịch vụ.

5. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng hoá, vật tư ứng cứu	1.234.459.070	1.886.578.837
Ứng trước thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	343.360.000	243.300.000
Bảo hiểm xã hội nộp thừa ở Trụ sở chính tại TP. Hồ Chí Minh	4.720.533	31.072.284
Cổ tức được chia	-	476.185.561
Thuế thu nhập cá nhân phải thu nhân viên	-	188.645.450
Các khoản phải thu khác	99.377.473	128.992.206
Cộng	1.681.917.076	2.954.774.338

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	7.588.201.377	7.347.378.379
Công cụ, dụng cụ	95.972.809	83.616.946
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.184.213.844	10.081.345.109
Thành phẩm	584.756.690	638.044.256
Hàng hóa	215.206.943	48.498.272
Cộng	12.668.351.663	18.198.882.962

7. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Số đầu năm	842.100.633
Hoàn nhập dự phòng	(842.100.633)
Số cuối năm	-

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ.

9. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thiếu chờ xử lý	120.350.662	308.306.942
Tạm ứng	2.412.354.199	3.870.575.912
Các khoản cầm cố, ký quỹ ngắn hạn (*)	1.573.739.215	1.469.900.000
Cộng	4.106.444.076	5.648.782.854

(*) Trong đó có khoản ký quỹ 800 triệu VND tại Công ty cổ phần tài chính Buru điện để Công ty này cấp hạn mức bảo lãnh 8 tỷ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ

Địa chỉ: 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	8.271.336.000	26.833.102.965	5.265.621.095	2.790.048.111	458.972.490	43.619.080.661
Mua sắm mới	-	1.487.098.415	-	191.189.259	-	1.678.287.674
Tăng do hợp nhất kinh doanh	65.004.110	4.027.989.093	-	637.383.518	-	4.730.376.721
Giảm khác	-	(171.136.576)	-	-	-	(171.136.576)
Số cuối năm	8.336.340.110	32.177.053.897	5.265.621.095	3.618.620.888	458.972.490	49.856.608.480
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	8.271.336.000	20.750.768.563	2.366.819.317	1.094.308.916	402.677.120	32.885.909.916
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	8.271.336.000	23.000.024.686	3.605.023.748	1.918.343.948	432.719.186	37.227.447.568
Khấu hao trong năm	9.677.106	2.136.369.120	364.456.970	542.076.120	18.043.543	3.070.622.859
Tăng do hợp nhất kinh doanh	15.782.448	1.427.792.664	-	408.498.944	-	1.852.074.056
Giảm khác	-	(171.136.576)	-	-	-	(171.136.576)
Số cuối năm	8.296.795.554	26.393.049.894	3.969.480.718	2.868.919.012	450.762.729	41.979.007.907
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	-	3.833.078.279	1.660.597.347	871.704.163	26.253.304	6.391.633.093
Số cuối năm	39.544.556	5.784.004.003	1.296.140.377	749.701.876	8.209.761	7.877.600.573
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	36.365.959	10.500.186	25.865.773
Tăng trong năm	298.000.000	130.248.948	
Tăng do hợp nhất kinh doanh	499.105.000	117.651.964	
Số cuối năm	833.470.959	258.401.098	575.069.861

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí mua sắm tài sản cố định.

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Số cuối năm
Chi phí sửa chữa	160.279.208	2.404.193.997	(333.164.254)	2.231.308.951
Công cụ, dụng cụ	302.135.288	2.185.569.828	(888.294.898)	1.599.410.218
Chi phí thuê văn phòng	153.000.000	612.000.000	(612.000.000)	153.000.000
Chi phí khác	5.502.085	211.795.637	(16.288.598)	201.009.124
Cộng	620.916.581	5.413.559.462	(1.849.747.750)	4.184.728.293

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ

Địa chỉ: 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng thương mại cổ phần hàng hải Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(a)	5.611.577.457	8.661.886.982
Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đông Đô	-	450.000.000
Cộng	5.611.577.457	9.111.886.982

(a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần hàng hải Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

Số đầu năm	9.111.886.982
Số tiền vay phát sinh	7.111.577.457
Số tiền vay đã trả	(10.611.886.982)
Số cuối năm	5.611.577.457

15. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các nhà cung cấp cho Trụ sở chính tại TP. Hồ Chí Minh	3.750.827.658	1.743.387.272
Các nhà cung cấp cho Chi nhánh tại TP. Hà Nội	631.495.685	2.164.841.725
Các nhà cung cấp cho Chi nhánh tại TP. Đà Nẵng	872.678.000	81.996.200
Các nhà cung cấp cho Công ty cổ phần dịch vụ trợ giúp thương mại Khang An	1.197.405.823	-
Cộng	6.452.407.166	3.990.225.197

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	3.729.500.822	4.587.396.819	(6.283.654.612)	2.033.243.029
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu		9.147.133	(9.147.133)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	1.363.000	(1.363.000)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.821.703.381	611.500.338	(158.000.000)	2.275.203.719
Thuế thu nhập cá nhân	169.283.367	325.918.559	(434.706.479)	60.495.447
Tiền thuê đất	-	2.069.319.000	(1.769.319.000)	300.000.000
Các loại thuế khác	-	6.500.000	(6.500.000)	-
Cộng	5.720.487.570	7.611.144.849	(8.662.690.224)	4.668.942.195

17. Phải trả người lao động

Tiền lương và các khoản phụ cấp còn phải trả người lao động.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ

Địa chỉ: 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí bảo dưỡng, khảo sát lắp đặt	370.525.826	1.346.343.154
Chi phí công trình	671.454.091	6.335.583.938
Chi phí khác	166.363.636	72.597.222
Cộng	1.208.343.553	7.754.524.314

19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội	276.423.808	133.648.537
Kinh phí công đoàn	354.115.860	180.783.887
Cố tức phải trả	933.187.687	1.148.562.000
Phải trả Tập đoàn bưu chính viễn thông Việt Nam về thiết bị viễn thông	1.622.492.385	1.609.073.072
Phải trả chi phí các công trình	12.281.359.080	9.429.210.657
Phải trả Ban quản lý cụm công trình khu vực C30 tiền thuê đất, tiền khấu hao nhà cửa	-	376.346.500
Phải trả khác	945.583.683	67.776.235
Cộng	16.413.162.503	12.945.400.888

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	786.130.392	725.000.000	206.453.754	(568.858.480)	1.148.725.666
Quỹ phúc lợi	(508.010.296)	725.000.000	-	(504.007.000)	(287.017.296)
Cộng	278.120.096	1.450.000.000	206.453.754	(1.072.865.480)	861.708.370

21. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm trang 33.

Cố tức

Cố tức đã chi trả trong năm như sau:

Cố tức các năm trước	4.409.774.313
Tạm ứng cố tức năm nay	-
Cộng	4.409.774.313

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.996.010	2.996.010
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.996.010	2.996.010
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.996.010	2.996.010
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.996.010	2.996.010
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.



CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ

Địa chỉ: 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

22. Lợi ích cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông thiểu số như sau:

Số đầu năm	
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	4.400.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	65.009.842
Quỹ dự phòng tài chính	32.504.921
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	6.500.984
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	852.192.911
Lợi nhuận tăng do hợp nhất kinh doanh	<u>507.359.409</u>
Số cuối năm	<u>5.863.568.067</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	115.139.329.529	113.758.112.950
- Doanh thu bán hàng hóa	6.152.643.700	14.768.713.386
- Doanh thu bán thành phẩm	117.397.700	685.633.190
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	108.869.288.129	98.303.766.374
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(181.016.311)	(344.883.496)
- Giảm giá hàng bán	(177.578.147)	(219.881.314)
- Hàng bán bị trả lại	(3.438.164)	(125.002.182)
Doanh thu thuần	<u>114.958.313.218</u>	<u>113.413.229.454</u>
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	6.152.643.700	14.768.713.386
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	117.397.700	685.633.190
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	108.688.271.818	97.958.882.878

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	4.420.084.743	12.998.532.736
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	47.036.818	517.185.196
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	80.655.198.492	65.720.398.841
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(842.100.633)	-
Cộng	<u>84.280.219.420</u>	<u>79.236.116.773</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	253.017.714	35.930.160
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	72.756.666	84.114.950
Cổ tức, lợi nhuận được chia	147.936.386	476.185.561
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.969.840	15.462.866
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	167.737.484	976.064.945
Cộng	<u>644.418.090</u>	<u>1.587.758.482</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ

Địa chỉ: 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	1.342.095.477	836.206.964
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	91.556.390	318.805.720
Cộng	1.433.651.867	1.155.012.684

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	440.455.374	369.890.018
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	7.427.022	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	23.509.245	22.640.355
Chi phí dịch vụ mua ngoài	44.005.995	-
Chi phí khác	217.671.455	208.788.683
Cộng	733.069.091	601.319.056

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	10.745.784.327	10.683.795.969
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.785.840.120	1.561.892.643
Chi phí đồ dùng văn phòng	840.696.226	174.999.789
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.408.382.738	1.380.842.576
Thuế, phí và lệ phí	206.073.546	282.968.080
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.664.884.297	2.280.012.277
Chi phí khác	7.555.793.935	8.619.851.105
Cộng	27.207.455.189	24.984.362.439

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Các khoản nợ không xác định được chủ	1.003.346.459	1.556.421.160
Thu nhập khác	323.217.164	35.250.809
Cộng	1.326.563.623	1.591.671.969

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	1.469.894.985	7.822.953.733
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.469.894.985	7.822.953.733
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.996.010	2.996.010
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	491	2.611

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ

Địa chỉ: 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Áp dụng qui định kế toán mới

Ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính và được áp dụng để trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính trên Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Theo yêu cầu của Thông tư này Tập đoàn cũng đã bổ sung thêm các thuyết minh từ VII.4 đến VII.8 dưới đây.

Ngoài ra, Thông tư này cũng yêu cầu Tập đoàn phải xem xét các điều khoản trong công cụ tài chính phức hợp để xác định liệu công cụ đó có bao gồm các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu hay không. Phần được phân loại là nợ phải trả được trình bày riêng biệt với phần được phân loại là tài sản tài chính hoặc vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán. Yêu cầu của Thông tư này không ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn do các công ty trong Tập đoàn chưa phát hành các công cụ tài chính phức hợp.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của các công ty trong Tập đoàn và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên chủ chốt trong năm là 1.219.099.091 VND (số năm trước là 1.347.877.000 VND).

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn chỉ bao gồm Tập đoàn bưu chính viễn thông Việt Nam - Cổ đông đại diện vốn Nhà nước.

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa các công ty trong Tập đoàn với Tập đoàn bưu chính viễn thông Việt Nam như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền thuê đất	600.000.000	-
Phải trả tiền mua thiết bị	1.622.492.385	1.609.073.072
Phải trả tiền thuê đất	300.000.000	-
Cộng nợ phải trả	1.922.492.385	1.609.073.072

Tại ngày năm tài chính, công nợ với Tập đoàn bưu chính viễn thông Việt Nam như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả tiền mua thiết bị	1.622.492.385	1.609.073.072
Phải trả tiền thuê đất	300.000.000	-
Cộng nợ phải trả	1.922.492.385	1.609.073.072

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ

Địa chỉ: 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của các công ty trong Tập đoàn.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn được phân bố chủ yếu ở khu vực miền Bắc, khu vực miền Trung và khu vực miền Nam.

Thông tin về bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Tập đoàn được thể hiện ở Phụ lục 02 đính kèm từ trang 34 đến trang 36.

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Tập đoàn chỉ nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là dịch vụ viễn thông.

4. Thuê hoạt động

Tập đoàn phải nộp tiền thuê đất hàng năm cho diện tích 19.364,30m² đất đang sử dụng tại số 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh. Đơn giá tiền thuê đất hàng năm được thực hiện theo thông báo của Chi cục thuế quận 10.

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.714.539.455	3.775.810.026	12.714.539.455	3.775.810.026
Phải thu khách hàng	53.823.193.762	56.542.117.151	53.823.193.762	56.542.117.151
Các khoản cho vay	100.000.000	-	100.000.000	-
Các khoản phải thu khác	5.828.361.152	8.613.557.192	5.828.361.152	8.613.557.192
Cộng	72.466.094.369	68.931.484.369	72.466.094.369	68.931.484.369
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	5.611.577.457	9.111.886.982	5.611.577.457	9.111.886.982
Phải trả cho người bán	6.452.407.166	3.990.225.197	6.452.407.166	3.990.225.197
Phải trả người lao động	4.446.220.189	2.715.471.201	4.446.220.189	2.715.471.201
Chi phí phải trả	1.208.343.553	7.754.524.314	1.208.343.553	7.754.524.314
Các khoản phải trả khác	16.479.608.553	13.018.696.888	16.479.608.553	13.018.696.888
Cộng	34.198.156.918	36.590.804.582	34.198.156.918	36.590.804.582



Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Tập đoàn ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ

Địa chỉ: 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Các công ty trong Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu ứng trước tiền hàng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Tập đoàn liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

7. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Tập đoàn nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

Số cuối năm	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Vay và nợ	5.611.577.457	-	-	5.611.577.457
Phải trả cho người bán	6.452.407.166	-	-	6.452.407.166
Phải trả người lao động	4.446.220.189	-	-	4.446.220.189
Chi phí phải trả	1.208.343.553	-	-	1.208.343.553
Các khoản phải trả khác	16.413.162.503	66.446.050	-	16.479.608.553
Cộng	34.131.710.868	66.446.050	-	34.198.156.918

Số đầu năm

Vay và nợ	9.111.886.982	-	-	9.111.886.982
Phải trả cho người bán	3.990.225.197	-	-	3.990.225.197
Phải trả người lao động	2.715.471.201	-	-	2.715.471.201
Chi phí phải trả	7.754.524.314	-	-	7.754.524.314
Các khoản phải trả khác	12.945.400.888	73.296.000	-	13.018.696.888
Cộng	36.517.508.582	73.296.000	-	36.590.804.582

Tập đoàn cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ

Địa chỉ: 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện chủ yếu bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Tập đoàn không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Vấn đề này không ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Tập đoàn.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2012

Đoàn Thị Triệu Phước
Người lập biểu

Nguyễn Long
Kế toán trưởng



Lương Ngọc Hương
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ

Địa chỉ: 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	29.960.100.000	9.980.050.000	6.190.118.639	1.114.494.196	19.229.003	5.637.614.296	52.901.606.134
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	7.822.953.733	7.822.953.733
Chia cổ tức năm 2009	-	-	-	-	-	(2.387.654.167)	(2.387.654.167)
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	1.176.742.123	372.218.006	-	(2.817.960.129)	(1.269.000.000)
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	(432.000.000)	(432.000.000)
Số dư cuối năm trước	29.960.100.000	9.980.050.000	7.366.860.762	1.486.712.202	19.229.003	7.822.953.733	56.635.905.700
Số dư đầu năm nay	29.960.100.000	9.980.050.000	7.366.860.762	1.486.712.202	19.229.003	7.822.953.733	56.635.905.700
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	70.908.708	35.454.354	7.090.871	553.396.202	666.850.135
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	1.469.894.985	1.469.894.985
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	1.307.406.046	391.147.687	-	(3.148.553.733)	(1.450.000.000)
Chia cổ tức năm 2010	-	-	-	-	-	(4.194.400.000)	(4.194.400.000)
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	(480.000.000)	(480.000.000)
Số dư cuối năm nay	29.960.100.000	9.980.050.000	8.745.175.516	1.913.314.243	26.319.874	2.023.291.187	52.648.250.820

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2012



Đoàn Thị Triệu Phước
Người lập biểu

Nguyễn Long
Kế toán trưởng

Lương Ngọc Hương
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ

Địa chỉ: 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo khu vực địa lý

Đơn vị tính: VND

Kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý:

Năm nay	Miền Nam	Miền Trung	Miền Bắc	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	70.416.113.900	6.079.005.320	38.463.193.998	114.958.313.218
<i>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	70.416.113.900	6.079.005.320	38.463.193.998	114.958.313.218
Chi phí bộ phận	71.201.559.479	5.498.183.978	35.521.000.243	112.220.743.700
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(785.445.579)	580.821.342	2.942.193.755	2.737.569.518
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				2.737.569.518
Doanh thu hoạt động tài chính	442.531.066	25.006.036	176.880.988	644.418.090
Chi phí tài chính	(1.342.220.929)	-	(91.430.938)	(1.433.651.867)
Thu nhập khác	1.326.563.623	-	-	1.326.563.623
Chi phí khác	(120.179.549)	(500)	(12.757.322)	(132.937.371)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	(611.500.338)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	(208.373.759)
<i>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</i>				2.322.087.896
<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>	6.479.116.819	-	555.516.000	7.034.632.819
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>	2.281.592.563	166.129.614	2.046.975.654	4.494.697.831
<i>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</i>	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ

Địa chỉ: 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo khu vực địa lý (tiếp theo)

Năm trước

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	77.916.373.811	3.580.709.051	31.916.146.592	113.413.229.454
<i>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	<u>77.916.373.811</u>	<u>3.580.709.051</u>	<u>31.916.146.592</u>	<u>113.413.229.454</u>
Chi phí bộ phận	72.093.529.150	3.287.703.462	29.440.565.656	104.821.798.268
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	<u>5.822.844.661</u>	<u>293.005.589</u>	<u>2.475.580.936</u>	<u>8.591.431.186</u>
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				8.591.431.186
Doanh thu hoạt động tài chính	683.028.448	14.042.886	890.687.148	1.587.758.482
Chi phí tài chính	(928.439.304)	-	(226.573.380)	(1.155.012.684)
Thu nhập khác	1.591.671.969	-	-	1.591.671.969
Chi phí khác	(306.364.680)	-	(25.941.147)	(332.305.827)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	(2.063.628.459)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	(396.960.934)
<i>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</i>				<u>7.822.953.733</u>
<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>	<u>1.281.419.827</u>	<u>927.957.632</u>	<u>1.030.059.091</u>	<u>3.239.436.550</u>
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>	<u>2.799.667.418</u>	<u>92.144.679</u>	<u>1.635.922.355</u>	<u>4.527.734.452</u>
<i>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</i>				-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2012

Đoàn Thị Triệu Phước
Người lập biểu

Nguyễn Long
Kế toán trưởng



Lương Ngọc Hương
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ

Địa chỉ: 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo khu vực địa lý (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý như sau:

Số cuối năm	Miền Nam	Miền Trung	Miền Bắc	Công
Tài sản trực tiếp của bộ phận	77.394.662.064	2.359.549.388	18.532.746.965	98.286.958.417
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				
Tổng tài sản				98.286.958.417
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	23.882.843.177	2.359.549.388	13.532.746.965	39.775.139.530
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				
Tổng nợ phải trả				39.775.139.530
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	68.557.537.373	2.745.574.816	28.490.761.159	99.793.873.348
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				
Tổng tài sản				99.793.873.348
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	33.697.486.274	2.438.526.341	7.021.955.033	43.157.967.648
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				
Tổng nợ phải trả				43.157.967.648

Đoàn Thị Triệu Phước
Người lập biểu

Nguyễn Long
Kế toán trưởng



Lương Ngọc Hương
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2012